

KẾ HOẠCH

Phát triển mạng lưới trạm quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2023-2030

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

- Luật Khí tượng thủy văn số 90/2015/QH13 ngày 23 tháng 11 năm 2015;
- Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013;
- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21 tháng 6 năm 2014;
- Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn;
- Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn;
- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;
- Thông tư số 13/2023/TT-BTNMT ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật về quan trắc và cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc khí tượng thủy văn đối với trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng;
- Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2022 của UBND thành phố Đà Nẵng triển khai thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 25/9/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khí tượng thủy văn đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Từng bước phát triển, hoàn thiện mạng lưới trạm quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng phục vụ nhu cầu khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn trong phát triển kinh tế - xã hội và phòng, chống thiên tai trên địa bàn thành phố;
- Nâng cao độ chính xác, tính kịp thời và độ tin cậy cho công tác dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn, phòng, chống thiên tai, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, nghiên cứu khoa học và ứng phó với biến đổi khí hậu.

2. Yêu cầu

- Ưu tiên phát triển mới các trạm khí tượng KTTV chuyên dùng tại các khu vực thường xuyên chịu tác động của thiên tai (mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, xâm nhập mặn, hạn hán,...), khu vực chưa có trạm quan trắc và tại các công trình phải quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng theo quy định.

- Trạm quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng phải đáp ứng các yêu cầu và quy định kỹ thuật về quan trắc và cung cấp thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn đối với các trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng;

- Việc phát triển mạng lưới quan trắc KTTV chuyên dùng phải có tính kế thừa, bảo đảm tính đồng bộ với mạng lưới trạm quan trắc khí tượng quốc gia trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố trong từng giai đoạn, kết hợp hài hòa, hợp lý giữa nguồn ngân sách nhà nước, nguồn xã hội hóa và các nguồn tài chính hợp pháp khác.

III. NHU CẦU KHAI THÁC, SỬ DỤNG THÔNG TIN, DỮ LIỆU KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn (KTTV) là cơ sở quan trọng trong quá trình xây dựng và thực hiện các quy hoạch, chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, quốc phòng, an ninh của các cấp, các ngành trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Đối với việc bảo đảm quốc phòng, an ninh, trong mọi thời kỳ, các thông tin KTTV luôn được coi là một trong các yếu tố “thiên thời”, mang tính chất quyết định góp phần vào các thắng lợi quân sự quan trọng. Đặc biệt, đối với công tác phòng chống thiên tai, thông tin KTTV giữ vai trò rất quan trọng ở cả 3 thời kỳ hoạt động là phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai.

Thành phố Đà Nẵng nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, nơi giao thoa giữa khí hậu biển và khí hậu lục địa, nằm gần ổ bão Thái Bình Dương nên thường xuyên phải đối mặt với bão, áp thấp nhiệt đới. Đồng thời là vùng hạ du của hệ thống sông Vu Gia - Thu Bồn, một trong chín con sông lớn của Việt Nam có diện tích trên 10.000 km² với đặc điểm chính là có chiều dài sông ngắn, độ dốc địa hình lớn, lưu vực hứng nước có dạng hình rẽ quạt, lũ về hạ du rất nhanh, thường xuyên gây ngập lụt ở vùng trung du và đồng bằng ven biển. Do đặc điểm địa hình, khu vực Quảng Nam - Đà Nẵng có lượng mưa lớn so với cả nước, trung bình ở vùng đồng bằng từ 2.000 - 3.000 mm, vùng trung du và miền núi từ 3.000 - 4.000 mm, đặc biệt vùng núi Trà My và Bà Nà là hai trung tâm mưa lớn, lượng mưa bình quân năm trên 4.000 mm do vậy tình hình mưa lũ ở khu vực Quảng Nam - Đà Nẵng là tương đối lớn và xuất hiện thường xuyên. Tình trạng rừng đầu nguồn lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn tại một số khu vực chưa đảm bảo, khả năng giữ nước thấp làm cho tình hình lũ lụt, lũ quét ngày càng thêm trầm trọng. Ngoài ra, 2/3 (hai phần ba) diện tích tự nhiên của thành phố là vùng núi với các dãy núi cao như: Bạch Mã, Cà Nhông - Khe Xương, Bà Nà, Sơn Gà, Sơn Trà, Hải Vân, các sông, suối lưu vực sông Túy Loan, Cu Đê nên Đà Nẵng là một trong những địa phương phải gánh chịu hậu quả

nặng nề của lũ quét, sạt lở đất. Năm 1999 đã xảy ra lũ quét lịch sử trên cả hai sông nội tỉnh của thành phố là Tuý Loan và Cu Đê.

Trong các năm qua, các loại hình thiên tai như bão, lũ, ngập lụt, hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lở đất,...thường xuyên xảy ra, trong đó bão, lũ, ngập lụt hầu như năm nào cũng ảnh hưởng đến thành phố. Theo thống kê, các loại hình thiên tai điển hình thường xảy ra hoặc có nguy cơ tác động trực tiếp và ảnh hưởng đến thành phố Đà Nẵng là lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, bão, áp thấp nhiệt đới, gió mạnh trên biển, nước dâng, hạn hán, nắng nóng, xâm nhập mặn, sạt lở bờ sông, bờ biển, mưa lớn, cháy rừng, lốc, sét, mưa đá. Hiện nay, thành phố còn có nguy cơ đối mặt với nhiều loại hình thiên tai nguy hiểm khác như: mưa lớn, sạt lở đất đá khu vực đồi núi, ngập úng đô thị.

Dưới tác động của biến đổi khí hậu, thiên tai có nguồn gốc KTTV có xu hướng gia tăng cả về cường độ và tần suất xuất hiện. Nhiều hiện tượng KTTV trước đây chưa từng xảy ra hoặc xảy ra ít thì nay đã xảy ra và xảy ra thường xuyên hơn. Những tác động của biến đổi khí hậu, phát triển kinh tế - xã hội đã gây ra nhiều khó khăn cho công tác quan trắc, đo đạc, dự báo và cảnh báo thiên tai; trong đó, có nguyên nhân mật độ mạng lưới trạm còn thưa và chưa được phân bố phù hợp để nắm bắt hết các hiện tượng KTTV.

Thực tế này đòi hỏi mạng lưới quan trắc KTTV chuyên dùng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng cần phải có những thay đổi mang tính đột phá cả về số lượng và chất lượng. Vì vậy, việc phát triển mạng lưới trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2023 đến năm 2030 sẽ phục vụ hiệu quả công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn; phục vụ sản xuất và các hoạt động kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

IV. KHẢ NĂNG ĐÁP ỨNG THỰC TẾ VỀ THÔNG TIN, DỮ LIỆU KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN CỦA MẠNG LƯỚI TRẠM KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN QUỐC GIA VÀ MẠNG LƯỚI TRẠM KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN CHUYÊN DÙNG ĐÃ ĐƯỢC ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG ĐỐI VỚI YÊU CẦU, MỤC ĐÍCH RIÊNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Mạng lưới trạm quan trắc KTTV trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, bao gồm mạng lưới trạm quan trắc KTTV quốc gia và mạng lưới trạm KTTV chuyên dùng của địa phương, cụ thể như sau:

- Mạng lưới trạm quan trắc KTTV quốc gia trên địa bàn thành phố Đà Nẵng hiện tại có 15 trạm gồm: 03 trạm khí tượng bề mặt, 01 trạm thám không vô tuyến, 01 trạm thủy văn, 05 trạm đo mưa, 01 trạm hải văn và 04 điểm đo mặn (Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo). Ngoài ra, theo Quyết định 90/QĐ-TTg ngày 12/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia giai đoạn 2016 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 thì đến năm 2025, trên địa bàn thành phố Đà Nẵng sẽ đầu tư thêm 11 trạm đo mưa. Các trạm này do Đài KTTV Khu vực Trung Trung bộ quản lý, khai thác. Mạng lưới

trạm quan trắc KTTV quốc gia trên địa bàn thành phố Đà Nẵng cơ bản đáp ứng được nhu cầu dự báo cho toàn thành phố. Tuy nhiên, để dự báo, cảnh báo thiên tai tại các khu vực nhỏ hơn (đến cấp phường/xã, quận, huyện), cũng như phục vụ hiệu quả cho các hoạt động phát triển kinh tế xã hội (du lịch, nông nghiệp, dịch vụ cảng biển, khu công nghiệp, giao thông vận tải, giáo dục, y tế, ...) thì cần phải bổ sung tăng thêm mật độ trạm trên địa bàn thành phố Đà Nẵng theo nội dung đã phê duyệt tại Quyết định 90/QĐ-TTg ngày 12/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia giai đoạn 2016-2025, tầm nhìn đến năm 2030.

- Mạng lưới trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng hiện có 31 trạm đo mưa, 06 trạm đo mực nước do Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quản lý. Trong đó, trừ các trạm đo mưa phục vụ phòng chống thiên tai, đa số các trạm quan trắc khí tượng thủy văn tại các hồ chứa thủy lợi chủ yếu hiện đang vận hành theo phương thức thủ công, chưa đáp ứng quy định kỹ thuật về quan trắc và cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc khí tượng thủy văn đối với trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng. Ngoài ra, mạng lưới trạm quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng còn có 8 trạm đo mực nước phục vụ công tác phòng chống thiên tai gồm: 3 tháp báo ngập do Công ty Cổ phần tư vấn và phát triển kỹ thuật Tài nguyên nước tặng; 03 tháp báo lũ do Quỹ Cộng đồng phòng tránh thiên tai tặng và 01 tháp báo ngập, 01 tháp báo lũ do Quỹ phòng chống thiên tai tặng. Ngoài ra, dự kiến trong tháng 12/2023, Công ty Cổ phần Net Plus sẽ lắp đặt thử nghiệm 01 trạm đo mực nước cảnh báo ngập tại đường Như Nguyệt, phường Thuận Phước theo Công văn số 4478/UBND-ĐTĐT ngày 19 tháng 8 năm 2023 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc tiếp nhận hệ thống cảnh báo triều cường do Công ty Cổ phần Net Plus tặng).

Trong những năm qua, mạng lưới trạm khí tượng thủy văn trên địa bàn thành phố cơ bản đã được quan tâm đầu tư phục vụ công tác dự báo, cảnh báo phòng chống thiên tai. Tuy nhiên, tại nhiều vị trí quan trọng nơi có nguy cơ xảy ra các loại thiên tai mưa, lũ, ngập lụt vẫn chưa có trạm đo mưa, mực nước để cảnh báo thiên tai; một số vùng trũng cần kiểm soát ngập lụt, điều tiết hồ đập, cảnh báo hạn hán thì chưa có trạm thủy văn. Tại các hồ chứa thủy lợi, các khu dân cư vùng thấp trũng vẫn chưa được quan tâm đầu tư lắp các trạm quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng đảm bảo quy định về kỹ thuật quan trắc, truyền số liệu theo quy định.

(Danh sách các trạm quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng tại Phụ lục II đính kèm).

Nhìn chung, mạng lưới trạm quan trắc KTTV trên địa bàn thành phố Đà Nẵng hiện có chỉ mới cơ bản đáp ứng được yêu cầu dự báo trên diện rộng và tưới tiêu của ngành nông nghiệp, chưa đáp ứng hiệu quả công tác dự báo, cảnh báo KTTV, phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn; phục vụ sản xuất và các hoạt động kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

V. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI TRẠM KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN CHUYÊN DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG GIAI ĐOẠN 2023-2030

1. Trạm đo mưa

- Số lượng: 10-20 trạm
- Vị trí: Bổ sung tại các khu vực ngập nặng trên địa bàn thành phố, các khu vực mà chưa đặt trạm quan trắc, chưa đảm bảo khoảng cách giữa các trạm đo mưa từ 10 km đến 20 km; các vùng có tổng lượng mưa năm trung bình nhiều năm từ 1.600 mm trở lên để phục vụ công tác ứng phó, phòng chống thiên tai;
- Yếu tố quan trắc: Lượng mưa
- Thời gian thực hiện: 2023-2025.
- Hình thức đầu tư: Đầu tư mới/thuê dịch vụ trạm quan trắc.
- Nguồn kinh phí:
 - + Nguồn ngân sách thành phố, Quỹ phòng chống thiên tai;
 - + Nguồn tài trợ từ dự án “Xây dựng Trung tâm tích hợp kiểm soát khả năng phục hồi đô thị xanh và thông minh Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là Trung tâm ENSURE Đà Nẵng)” hoặc các nguồn tài trợ hợp pháp khác (nếu có).

2. Trạm thủy văn

2.1. Trên các sông

- Số lượng: 03 trạm.
- Vị trí: Tại sông Yên, sông Cu Đê và sông Phú Lộc.
- a) Trên sông Yên (hạ lưu sông Vu Gia)
 - Số lượng: 01 trạm.
 - Vị trí: Sông Yên (Dự kiến đặt tại khu vực thượng lưu đập dâng An Trạch tiếp giáp địa bàn tỉnh Quảng Nam);
 - Yếu tố quan trắc: Lượng mưa, mực nước.
 - Thời gian thực hiện: 2025-2030
 - Hình thức đầu tư: Đầu tư mới/thuê dịch vụ trạm quan trắc.
 - Nguồn kinh phí:
 - + Nguồn ngân sách thành phố, Quỹ phòng chống thiên tai;
 - + Nguồn tài trợ từ dự án “Xây dựng Trung tâm tích hợp kiểm soát khả năng phục hồi đô thị xanh và thông minh Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là Trung tâm ENSURE Đà Nẵng)” hoặc các nguồn tài trợ hợp pháp khác (nếu có).

Ghi chú: Trường hợp Quy hoạch mạng lưới Trạm KTTV Quốc gia thời kỳ 2021-2023, tầm nhìn đến năm 2050 sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt

có đầu tư xây dựng Trạm thủy văn hoặc Trạm thủy văn kết hợp tài nguyên nước trên sông Yên thì sẽ không đầu tư trạm này từ nguồn vốn ngân sách địa phương.

b) Trên sông Cu Đê

- Số lượng: 01 trạm.
- Vị trí: Sông Cu Đê (Dự kiến đặt tại khu vực thượng lưu đập dâng Nam Mỹ);

- Yếu tố quan trắc: Lượng mưa, mực nước và lưu lượng nước.
- Thời gian thực hiện: 2025-2030
- Hình thức đầu tư: Đầu tư mới/thuê dịch vụ trạm quan trắc.
- Nguồn kinh phí:
 - + Nguồn ngân sách thành phố, Quỹ phòng chống thiên tai;
 - + Nguồn tài trợ từ dự án “Xây dựng Trung tâm tích hợp kiểm soát khả năng phục hồi đô thị xanh và thông minh Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là Trung tâm ENSURE Đà Nẵng)” hoặc các nguồn tài trợ hợp pháp khác (nếu có).

c) Trên sông Phú Lộc

- Số lượng: 01 trạm.
- Vị trí: Sông Phú Lộc (Dự kiến đặt tại khu vực hạ lưu giáp cửa thoát nước ra biển trên đường Nguyễn Tất Thành);

- Yếu tố quan trắc: Lượng mưa, mực nước.
- Thời gian thực hiện: 2024-2030.
- Hình thức đầu tư: Đầu tư mới/thuê dịch vụ trạm quan trắc.
- Nguồn kinh phí:
 - + Nguồn ngân sách thành phố, Quỹ phòng chống thiên tai;
 - + Nguồn tài trợ từ dự án “Xây dựng Trung tâm tích hợp kiểm soát khả năng phục hồi đô thị xanh và thông minh Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là Trung tâm ENSURE Đà Nẵng)” hoặc các nguồn tài trợ hợp pháp khác (nếu có).

2.2. Tại các đập/hồ chứa

- Số lượng: 21 trạm.
 - Vị trí: Tại các hồ chứa theo danh sách tại Bảng 1 kèm theo.
 - Yếu tố quan trắc: Chi tiết tại Bảng 1 kèm theo
 - Thời gian thực hiện: 2023-2030
 - Hình thức đầu tư: Đầu tư mới/cải tạo, nâng cấp/thuê dịch vụ trạm quan
- trắc
- Nguồn kinh phí:
 - + Nguồn ngân sách thành phố, Quỹ phòng chống thiên tai;

+ Nguồn tài trợ hợp pháp khác (nếu có).

STT	Tên trạm	Vị trí, địa điểm (TDP/Thôn; xã/phường; quận/huyện)	Yêu tố quan trắc (Theo quy định tại Khoản 3 Điều 15 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018)	Ghi chú
1	Nam Mỹ	Xã Hoà Bắc, huyện Hoà Vang	Lượng mưa trên lưu vực; mực nước tại thượng lưu, hạ lưu đập; tính toán lưu lượng đến hồ, lưu lượng xả; dự báo lưu lượng đến hồ, khả năng gia tăng mực nước hồ chứa	Hồ chứa nước có cửa van điều tiết lũ, có tràn tự do
2	Đồng Nghệ	Thôn Phước Sơn, xã Hòa Khương, huyện Hòa Vang	Lượng mưa trên lưu vực; mực nước tại thượng lưu, hạ lưu đập; tính toán lưu lượng đến hồ, lưu lượng xả; dự báo lưu lượng đến hồ, khả năng gia tăng mực nước hồ chứa	Hồ chứa nước có cửa van điều tiết lũ, có tràn tự do (Nâng cấp, cải tạo)
3	Hòa Trung	Thôn Tân Ninh, xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang	Lượng mưa trên lưu vực, mực nước tại thượng lưu, hạ lưu đập; tính toán lưu lượng đến hồ, lưu lượng xả	Hồ chứa nước lớn có tràn tự do (Nâng cấp, cải tạo)
4	Hóc Khế	Thôn Khương Mỹ, xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang	Mực nước tại thượng lưu, hạ lưu đập; tính toán lưu lượng xả	Hồ chứa nước vừa có tràn tự do
5	Hồ Cau	Thôn Hội Phước, xã Hòa Phú, huyện Hòa Vang	Mực nước tại thượng lưu, hạ lưu	Hồ chứa nước vừa có tràn tự do

			đập; tính toán lưu lượng xả	
6	Trước Đông	Thôn Trước Đông, xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang	Mức nước tại thượng lưu, hạ lưu đập; tính toán lưu lượng xả	Hồ chứa nước vừa có tràn tự do
7	Hòa Khê	Thôn Hòa Khê, xã Hòa Sơn, huyện Hòa Vang	Mức nước tại thượng lưu, hạ lưu đập; tính toán lưu lượng xả	Hồ chứa nước vừa có tràn tự do
8	Đồng Tréo	Thôn An Châu, xã Hòa Phú, huyện Hòa Vang	Mức nước tại thượng lưu, hạ lưu đập và mực nước tại đập tràn	Hồ chứa nước nhỏ có tràn tự do
9	Hố Trây	Thôn Hòa Phước, xã Hòa Phú, huyện Hòa Vang	Mức nước tại thượng lưu, hạ lưu đập và mực nước tại đập tràn	Hồ chứa nước nhỏ có tràn tự do
10	Phú Túc	Thôn Phú Túc, xã Hòa Phú, huyện Hòa Vang	Mức nước tại thượng lưu, hạ lưu đập và mực nước tại đập tràn	Hồ chứa nước nhỏ có tràn tự do
11	An Nhơn	Thôn Hòa Phước, xã Hòa Phú, huyện Hòa Vang	Mức nước tại thượng lưu, hạ lưu đập và mực nước tại đập tràn	Hồ chứa nước nhỏ có tràn tự do
12	Hố Lãng	Thôn Hội Phước, xã Hòa Phú, huyện Hòa Vang	Mức nước tại thượng lưu, hạ lưu đập và mực nước tại đập tràn	Hồ chứa nước nhỏ có tràn tự do
13	Tân An	Thôn Diêu Phong, xã Hòa Phú, huyện Hòa Vang	Mức nước tại thượng lưu, hạ lưu đập và mực nước tại đập tràn	Hồ chứa nước nhỏ có tràn tự do

14	Diêu Phong	Thôn Diêu Phong, xã Hòa Phú, huyện Hòa Vang	Mức nước tại thượng lưu, hạ lưu đập và mực nước tại đập tràn	Hồ chứa nước nhỏ có tràn tự do
15	Hóc Gỏi	Thôn Diêu Phong, xã Hòa Phú, huyện Hòa Vang	Mức nước tại thượng lưu, hạ lưu đập và mực nước tại đập tràn	Hồ chứa nước nhỏ có tràn tự do
16	Trường Loan	Thôn Hòa Khương, xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang	Mức nước tại thượng lưu, hạ lưu đập và mực nước tại đập tràn	Hồ chứa nước nhỏ có tràn tự do
17	Hố Gáo	Thôn Xuân Phú, xã Hòa Sơn, huyện Hòa Vang	Mức nước tại thượng lưu, hạ lưu đập và mực nước tại đập tràn	Hồ chứa nước nhỏ có tràn tự do
18	Hố Cái	Thôn Xuân Phú, xã Hòa Sơn, huyện Hòa Vang	Mức nước tại thượng lưu, hạ lưu đập và mực nước tại đập tràn	Hồ chứa nước nhỏ có tràn tự do
19	Hố Thung	Thôn Đại La, xã Hòa Sơn, huyện Hòa Vang	Mức nước tại thượng lưu, hạ lưu đập và mực nước tại đập tràn	Hồ chứa nước nhỏ có tràn tự do
20	Truong Đá Bạc	Thôn An Ngãi Tây 1, xã Hòa Sơn, huyện Hòa Vang	Mức nước tại thượng lưu, hạ lưu đập và mực nước tại đập tràn	Hồ chứa nước nhỏ có tràn tự do
21	Đập An Trạch	Xã Hoà Tiến, huyện Hoà Vang	Mức nước tại thượng lưu, hạ lưu đập và mực nước tại đập tràn.	Đập nhỏ có tràn tự do

3. Trạm đo mực nước cảnh báo ngập, lụt (tên gọi khác là tháp báo ngập/tháp báo lũ)

- Số lượng: 10 trạm đến 15 trạm.

- Vị trí: các khu vực thường xuyên ngập sâu trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

- Yếu tố quan trắc: mực nước.

- Thời gian thực hiện: 2023-2025

- Nguồn kinh phí:

+ Nguồn ngân sách thành phố, Quỹ phòng chống thiên tai;

+ Nguồn tài trợ từ dự án “Xây dựng Trung tâm tích hợp kiểm soát khả năng phục hồi đô thị xanh và thông minh Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là Trung tâm ENSURE Đà Nẵng)” hoặc các nguồn tài trợ hợp pháp khác (nếu có).

4. Các trạm hải văn

- Số lượng: 02 trạm.

- Vị trí: Tại bến cảng Tiên Sa và Liên Chiểu.

- Yếu tố quan trắc: Chi tiết tại Bảng 1 kèm theo

- Thời gian thực hiện: 2023-2030

- Nguồn kinh phí: Từ nguồn kinh phí của Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng và chủ đầu tư dự án “Bến cảng Liên Chiểu”.

STT	Tên trạm	Vị trí, địa điểm (TDP/Thôn; xã/phường; quận/huyện)	Yếu tố quan trắc
1	Bến cảng Tiên Sa	Phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng	Hướng và tốc độ gió trên bến cảng, mực nước biển, sóng thuộc vùng nước trước bến cảng, tầm nhìn xa phía biển
2	Bến cảng Liên Chiểu	Phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng	Hướng và tốc độ gió trên bên cảng, mực nước biển, sóng thuộc vùng nước trước bến cảng, tầm nhìn xa phía biển

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Đôn đốc, hướng dẫn các sở, ngành, đơn vị thực hiện đầy đủ các nội dung Kế hoạch này; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện cho UBND thành phố, Bộ Tài nguyên và môi trường;

- Thường xuyên phối hợp với các đơn vị liên quan tiến hành rà soát hệ thống mạng lưới trạm quan trắc KTTV chuyên dùng trên địa bàn thành phố để tham mưu UBND thành phố điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với nhu cầu thực tế tại địa phương;

- Phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND thành phố xây dựng quy chế phối hợp quản lý hoạt động KTTV trên địa bàn thành phố;

- Tổ chức thanh, kiểm tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền về hoạt động KTTV chuyên dùng trên địa bàn thành phố;

- Phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan trong việc bảo vệ, giải quyết các vi phạm hành lang an toàn kỹ thuật công trình KTTV chuyên dùng; tổ chức, tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức cộng đồng về quản lý, bảo vệ công trình KTTV chuyên dùng;

- Tiếp nhận, lưu trữ, quản lý, khai thác thông tin, dữ liệu KTTV trên địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Căn cứ nội dung Kế hoạch, chủ động phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xác định vị trí cụ thể các trạm quan trắc, lập dự án xây dựng các trạm KTTV chuyên dùng theo lộ trình đã được phê duyệt; thực hiện việc bàn giao cho các đơn vị chức năng quản lý, sử dụng;

- Xây dựng quy trình quản lý, vận hành cho các trạm KTTV chuyên dùng; tổ chức quản lý và khai thác hiệu quả mạng lưới trạm KTTV chuyên dùng thuộc thẩm quyền, trách nhiệm; thường xuyên rà soát hệ thống mạng lưới trạm KTTV chuyên dùng để đề xuất điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp yêu cầu nhiệm vụ;

- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát các tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý thực hiện việc quan trắc và cung cấp thông tin, dữ liệu KTTV theo đúng quy định của pháp luật về KTTV.

3. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chịu trách nhiệm cân đối nguồn kinh phí, tham mưu UBND thành phố quyết định việc đầu tư, phân bổ dự toán kinh phí để đảm bảo thực hiện các hoạt động khí tượng thủy văn chuyên dùng phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phòng, chống thiên tai ứng phó với biến đổi khí hậu và trên địa bàn thành phố;

- Tham mưu UBND thành phố, hàng năm bố trí nguồn vốn phù hợp cho việc vận hành, duy tu, bảo dưỡng các trạm KTTV chuyên dùng;

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc sử dụng các nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch đảm bảo hiệu quả, đúng mục đích.

4. Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và phòng thủ dân sự thành phố

- Tiếp nhận và xử lý theo chức năng nhiệm vụ các số liệu, tin dự báo, cảnh báo thiên tai do cơ quan dự báo khí tượng thủy văn cung cấp; kịp thời tham mưu Chủ tịch UBND thành phố chỉ đạo các biện pháp phòng ngừa, ứng phó với thiên tai đến các cơ quan, địa phương, đơn vị và nhân dân trên địa bàn thành phố biết đề chủ động ứng phó, phòng, tránh;

- Căn cứ vào nội dung dự báo, cảnh báo thiên tai do cơ quan khí tượng thủy văn cung cấp, tham mưu liên quan đến công tác vận hành, điều tiết xả lũ các hồ chứa thủy lợi, thủy điện trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn để ứng phó với ngập lụt khu vực thành phố Đà Nẵng, đảm bảo an toàn công trình hồ, đập.

5. Các sở, ban, ngành liên quan

- Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về KTTV trong khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn trong quá trình lập quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư phát triển của ngành, lĩnh vực;

- Đề xuất với UBND thành phố (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) xây dựng các trạm KTTV chuyên dùng trên địa bàn thành phố phù hợp với yêu cầu thực tế của ngành, lĩnh vực.

6. Trung tâm Giám sát điều hành thông minh Đà Nẵng

Tiếp nhận thông tin, dữ liệu từ các trạm quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng về Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh thành phố phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Lãnh đạo thành phố, cung cấp thông tin cho người dân.

7. Đề nghị Đài Khí tượng Thủy văn Khu vực Trung Trung bộ

- Phối hợp với các Sở, Ngành: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và tìm kiếm, cứu nạn tỉnh và các chủ công trình KTTV chuyên dùng, thực hiện việc thu nhận và cung cấp đầy đủ thông tin, dữ liệu KTTV phục vụ công tác dự báo, cảnh báo thiên tai trên địa bàn thành phố;

- Phối hợp với các sở, ban, ngành của thành phố trong việc rà soát hệ thống mạng lưới trạm KTTV chuyên dùng trên địa bàn thành phố để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp tình hình thực tế;

- Tham gia phối hợp công tác thanh tra, kiểm tra các công trình KTTV chuyên dùng trên địa bàn thành phố.

8. UBND các quận, huyện, xã, phường

- Có trách nhiệm chỉ đạo UBND xã, phường tạo điều kiện về vị trí, mặt bằng để triển khai xây dựng, lắp đặt các trạm KTTV chuyên dùng trên địa bàn;

- Có trách nhiệm phối hợp với các Sở Tài nguyên và Môi trường, Đài KTTV Khu vực Trung Trung bộ và các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc bảo vệ hành lang kỹ thuật các công trình KTTV chuyên dùng được lắp đặt trên địa bàn thành phố; chỉ đạo UBND xã, phường trong việc xử lý, giải quyết các vi phạm công trình KTTV chuyên dùng;

- Định kỳ hàng năm, tiến hành rà soát, đề xuất nhu cầu đầu tư xây dựng các trạm quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng để phục vụ nhu cầu của địa phương, đặc biệt là công tác phòng chống thiên tai trên địa bàn. Trong đó, chú trọng đề xuất đầu tư các trạm quan trắc lượng mưa, mực nước tại các hồ chứa dung tích lớn trên địa bàn quận/huyện (không thuộc danh mục hồ, đập phải quan trắc khí tượng thủy văn theo quy định tại Nghị định số 114/2018/NĐ-CP) để đảm bảo có đầy đủ thông tin, số liệu phục vụ hiệu quả công tác ứng phó, phòng chống thiên tai trên địa bàn.

9. Các chủ công trình khí tượng thủy văn chuyên dùng

- Thực hiện đúng quy định về quan trắc và cung cấp thông tin, dữ liệu KTTV theo quy định tại Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn; Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15/4/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khí tượng thủy văn; Thông tư số 13/2023/TT-BTNMT ngày 16/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về quan trắc và cung cấp thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn đối với trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng và các quy định liên quan khác;

- Tổ chức quản lý, vận hành, bảo trì khai thác có hiệu quả trạm khí tượng thủy văn tự động theo quy định hiện hành.

Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu các sở, ngành, UBND các quận, huyện và các đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ và nội dung Kế hoạch nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc cần kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo, đề xuất UBND thành phố xem xét, giải quyết. /.

Nơi nhận:

- Bộ TN&MT (b/cáo);
- Tổng cục KTTV;
- TTTU, HONĐ thành phố (b/cáo);
- Các Sở: TN&MT, NN&PTNT, CT, TC, XD, GT&VT, VH&DL;
- BCHPCTT, TKCN và PTDS thành phố;
- Đài KTTV KV TTB;
- UBND các quận, huyện, xã, phường;
- Công ty TNHH MTV Khai thác Thủy lợi ĐN;
- CT và các PCT UBND thành phố;
- CPVP;
- Lưu: VT, STNMT, ĐTĐT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Quang Nam

Phụ lục I
DỰ KIẾN KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
(Kèm theo Kế hoạch số 38 /KH-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2024 của UBND thành phố Đà Nẵng)

1. Dự kiến kinh phí đầu tư mới

TT	Tên trạm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (triệu đồng)	Thành tiền (triệu đồng)	Ghi chú
1	Trạm đo mưa tự động	Trạm	10	45-50	450 - 500	Kinh phí tại phụ lục này là khái toán. Kinh phí thực hiện sẽ được lập cụ thể trên cơ sở các quy định hiện hành.
2	Trạm đo mực nước tự động	Trạm	10	100 - 125	1.000 - 1.250	
3	Trạm đo mưa, mực nước tự động kết hợp	Trạm	05	150 - 165	750 - 825	
4	Trạm Thủy văn đo mưa, mực nước và lưu lượng tự động (đối với hồ chứa thủy lợi)	Trạm	01	200 - 250	2.000 - 2.500	Kinh phí thực hiện được lập trên cơ sở tiến hành khảo sát chi tiết, đề xuất dự án đầu tư theo đúng quy định
5	Trạm Thủy văn (đối với các sông)	-	-	-	-	

2. Ước tính kinh phí thuê dịch vụ

TT	Danh mục thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (triệu đồng/năm)	Thành tiền (triệu đồng/năm)	Ghi chú
1	Thuê dịch vụ đo mưa tự động	Trạm	10	15 - 20	150-200	Thực hiện thuê dịch vụ theo đúng quy định.
2	Thuê dịch vụ đo mực nước tự động	Trạm	10	30 - 36	300 - 360	

Phụ lục II
DANH SÁCH CÁC TRẠM QUAN TRẮC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN QUỐC GIA
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

(Kèm theo Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2024 của UBND thành phố Đà Nẵng)

Bảng 1. Các trạm khí tượng bề mặt

STT	Tên Trạm	Địa danh	Toạ độ (Theo hệ toạ độ VN2000)		Hạng trạm	Các yếu tố quan trắc
			Y	X		
1	Đà Nẵng	Phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	1775265.9	842468.1	Hạng I (Trạm cơ bản)	Quan trắc thủ công kết hợp quan trắc tự động. - Các yếu tố quan trắc gồm: a) Áp suất khí quyển; b) Gió bề mặt; c) Bốc hơi; d) Nhiệt độ không khí; e) Nhiệt độ đất; g) Nhiệt độ không khí và nhiệt độ mặt đất tối cao; h) Nhiệt độ không khí và nhiệt độ mặt đất tối thấp; i) Độ ẩm không khí; k) Mưa; l) Tầm nhìn xa; m) Hiện tượng khí tượng;

						n) Thời gian nắng; o) Mây; p) Thời tiết đã qua; q) Thời tiết hiện tại; r) trạng thái mặt đất. - Các yếu tố quan trắc tự động gồm: gió (hướng và tốc độ), khí áp, nhiệt độ, độ ẩm, lượng mưa.
2	Bà Nà	Xã Hoà Ninh, huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng	1771254.0	821100.0	Hạng II	Trạm khí tượng Bà Nà là trạm tự động đo 05 yếu tố: a) Gió (hướng và tốc độ); b) Khí áp; c) Nhiệt độ; d) Độ ẩm; đ) Lượng mưa.
3	Hoàng Sa	Huyện Hoàng Sa, thành phố Đà Nẵng	1841445.5	1207285.1	Hạng I (Trạm cơ bản)	Trạm khí tượng Hoàng Sa là trạm đệm quan trắc 07 yếu tố: a) Gió (hướng và tốc độ); b) Khí áp; c) Nhiệt độ không khí; d) Độ ẩm không khí; e) Lượng mưa; g) Bức xạ; h) Thời gian nắng.

Bảng 2. Trạm thám không vô tuyến

STT	Tên Trạm	Địa danh	Toạ độ (Theo hệ toạ độ VN2000)		Hạng trạm	Các yếu tố quan trắc
			Y	X		
1	Đà Nẵng	Phường Hòa Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	1775265.9	842468.1	Hạng I (Trạm cơ bản)	a) Áp suất khí quyển; b) Nhiệt độ không khí; c) Độ ẩm không khí; d) Gió.

Bảng 3. Trạm thủy văn

STT	Tên Trạm	Địa danh	Toạ độ (Theo hệ toạ độ VN2000)		Hạng trạm	Các yếu tố quan trắc
			Y	X		
1	Cẩm Lệ	Phường Hòa Thọ Đông, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng	1775692.00	844337.97	Hạng III	a) Mực nước, b) Lượng mưa

Bảng 4. Các trạm đo mưa

STT	Tên Trạm	Địa danh	Yếu tố quan trắc
1	Hòa Phú	UBND xã Hoà Phú, huyện Hoà Vang, TP Đà Nẵng	Lượng mưa
2	Hòa Bắc	UBND xã Hoà Bắc, huyện Hoà Vang, TP Đà Nẵng	Lượng mưa
3	Hòa Phú	Xã Hòa Phú, Hòa Vang, TP Đà Nẵng	Lượng mưa
4	Hòa Bắc	Xã Hòa Bắc, huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng	Lượng mưa
5	Sơn Trà	Phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, Tp Đà Nẵng	Lượng mưa

Bảng 5. Trạm hải văn

STT	Tên Trạm	Địa danh	Toạ độ (Theo hệ toạ độ VN2000)		Hạng trạm	Các yếu tố quan trắc
			Y	X		
1	Sơn Trà	Phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng	1782359.37	844783.416	Hạng I (Trạm cơ bản)	Mực nước, nhiệt độ nước, sóng, độ mặn

Bảng 6. Các trạm đo mặn

STT	Tên Trạm	Địa danh	Toạ độ (Theo hệ toạ độ VN2000)		Các yếu tố quan trắc thực tế hiện nay
			Y	X	
1	Cầu Nguyễn Văn Trỗi	Phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	1775183.51	844448.97	Mặn
2	Cẩm Lệ	Phường Hoà Thọ Đông, quận Cẩm Lệ	1768341.71	826444.76	Mặn
3	Cổ Mân	Phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng	1769645.32	844534.80	Mặn
4	Tứ Câu	Xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang	1765953.21	844591.88	Mặn

Phụ lục III
DANH SÁCH CÁC TRẠM QUAN TRẮC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN CHUYÊN DỤNG
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

(Kèm theo Kế hoạch số **32** /KH-UBND ngày **05** tháng **02**, năm 2024 của UBND thành phố Đà Nẵng)

Bảng 1. Các trạm đo mưa chuyên dùng

STT	Tên Trạm	Địa danh	Loại trạm	Yếu tố quan trắc	Đơn vị quản lý
1	Trung tâm GD-DN 05-06	Xã Hòa Bắc, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng	Tự động	Lượng mưa	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
2	Hòa Phát	Phường Hòa Phát, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng	Tự động	Lượng mưa	
3	Hòa Xuân	Phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng	Tự động	Lượng mưa	
4	Lưu vực hồ Đồng Nghệ	Xã Hòa Khương, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng	Tự động	Lượng mưa	
5	Hòa Khương	Xã Hòa Khương, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng	Tự động	Lượng mưa	
6	Lưu vực hồ Hòa Trung	Xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng	Tự động	Lượng mưa	
7	Hòa Ninh	Xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng	Tự động	Lượng mưa	
8	Hòa Sơn	Xã Hòa Sơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng	Tự động	Lượng mưa	
9	Hòa Quý	Phường Hòa Quý, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng	Tự động	Lượng mưa	
10	Chùa Linh Ứng	Phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng	Tự động	Lượng mưa	

11	Khe Cạn	Phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng	Tự động	Lượng mưa	
12	Hòa Bắc	Xã Hòa Bắc, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng	Tự động	Lượng mưa	
13	Trạm Kiểm lâm Sông Bắc	Xã Hòa Bắc, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng	Tự động	Lượng mưa	
14	Hồ Đồng Nghệ	Xã Hòa Khương, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng	Tự động	Lượng mưa	
15	Hồ Hòa Trung	Xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng	Tự động	Lượng mưa	
16	Hồ Trước Đông	Xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng	Tự động	Lượng mưa	
17	Trạm bơm Túy Loan	Xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng	Tự động	Lượng mưa	
18	Bà Nà	Xã Hòa Ninh, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng	Tự động	Lượng mưa	
19	Hòa Phú Thành	Xã Hòa Phú, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng	Tự động	Lượng mưa	
20	Trạm bơm An Trạch	Xã Hòa Tiến, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng	Tự động	Lượng mưa	
21	Kênh Nguyễn Đình Tự	Phường Hòa Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng	Tự động	Lượng mưa	
22	Phường Hòa Cường Nam	Phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	Tự động	Lượng mưa	
23	Hồ Hóc Khê	Xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng	Tự động	Lượng mưa	
24	Hồ Hố Cau	Xã Hòa Phú, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng	Tự động	Lượng mưa	
25	Hòa Phước	Xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng	Tự động	Lượng mưa	

26	Hồ Hòa Khê - Hòa Sơn	Xã Hòa Sơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng	Tự động	Lượng mưa	
27	Suối Lương	Phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng	Tự động	Lượng mưa	
28	Hòa Hải	Phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng	Tự động	Lượng mưa	
29	Suối Đá	Phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng	Tự động	Lượng mưa	
30	Đập Hà Thanh	Điện Hoà, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Tự động	Lượng mưa	
31	Hồ Thạc Gián	Phường Thạc Gián, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng	Tự động	Lượng mưa	
32	Đại học Bách Khoa Đà Nẵng	Phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng	Tự động	Lượng mưa	Trường Đại học Bách Khoa

Bảng 2. Các trạm thủy văn chuyên dùng

STT	Tên Trạm	Địa danh	Yếu tố quan trắc	Thuộc lưu vực sông	Đơn vị quản lý
1.	Trạm nước mặt Cầu Đỏ	Nhà máy nước Cầu Đỏ, phường Hoà Thọ Tây, quận Cẩm Lệ	Mức nước, nhiệt độ nước	Vu Gia	Sở Tài nguyên và Môi trường
2.	Trạm nước mặt Tứ Câu	Cầu Tứ Câu, Điện Ngọc, Điện Bàn, Quảng Nam	Mức nước, nhiệt độ nước	Vu Gia-Thu Bồn	
3.	Trạm nước mặt Ái Nghĩa	Trạm thủy văn Ái Nghĩa, Đại Lộc, Quảng Nam	Mức nước, nhiệt độ nước	Vu Gia-Thu Bồn	

Bảng 3. Các điểm đo mực nước chuyên dùng

STT	Tên Trạm	Địa danh	Yếu tố quan trắc	Thuộc lưu vực sông	Đơn vị quản lý
1.	Cầu Lâm Viên	Xã Hòa Phú, huyện Hòa Vang	Mực nước	Túy Loan	Chi cục Thủy lợi thành phố Đà Nẵng
2.	Cầu Túy Loan (QL14B)	Xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang	Mực nước	Túy Loan	
3.	Cầu Sụp	Xã Hòa Bắc, huyện Hòa Vang	Mực nước	Cu Đê	
4.	Cầu Trường Định	Xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang	Mực nước	Cu Đê	
5.	Đập An Trạch	Xã Hòa Tiến, huyện Hòa Vang	Mực nước (thủ công)	Sông Yên	
6.	Đập An Trạch	Xã Hòa Tiến, huyện Hòa Vang	Mực nước (tự động)	Sông Yên	Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện Hoà Vang
7.	Đập An Trạch	Xã Hòa Tiến, huyện Hòa Vang	Mực nước (tự động)	Sông Yên	Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng
8.	Hồ Đồng Nghệ	Xã Hòa Khương, huyện Hòa Vang	Mực nước	Hồ Đồng Nghệ	Chi cục Thủy lợi thành phố Đà Nẵng

Bảng 4. Các trạm đo mực nước cảnh báo thiên tai (Tháp báo lũ, tháp báo ngập) chuyên dùng (từ nguồn tài trợ)

STT	Tên Trạm	Địa danh	Yếu tố quan trắc	Đơn vị quản lý	Ghi chú
1.	Tháp báo lũ thôn An Trạch (Hòa Tiến)	Xã Hoà Tiến, huyện Hoà Vang	Mực nước	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	Quỹ Cộng đồng phòng tránh thiên tai tặng
2.	Tháp báo lũ thôn Cẩm Nê (Hòa Tiến)	Xã Hoà Tiến, huyện Hoà Vang	Mực nước		
3.	Tháp báo lũ thôn Lệ Sơn 2 (Hòa Tiến)	Xã Hoà Tiến, huyện Hoà Vang	Mực nước		
4.	Tháp báo lũ thôn Bắc An (Hòa Tiến)	Xã Hoà Tiến, huyện Hoà Vang	Mực nước		Quỹ phòng chống thiên tai
5.	Tháp báo ngập Phường Hoà Khánh Nam	Phường Hoà Khánh Nam, quận Liên Chiểu	Mực nước		
6.	Tháp báo ngập Hồ Thạc Gián	Phường Thạc Gián, quận Thanh Khê	Mực nước	UBND quận Thanh Khê	Công ty CP tư vấn và phát triển kỹ thuật Tài nguyên nước tặng
7.	Tháp báo ngập phường Thanh Khê Tây	Phường Thanh Khê Tây, quận Thanh Khê	Mực nước		
8.	Tháp báo ngập Đà Sơn 2	Đường Đà Sơn 2, phường Hoà Khánh Nam, quận Liên Chiểu	Mực nước	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	

Bảng 5. Các trạm đo mặn chuyên dùng

STT	Tên Trạm	Địa danh	Yếu tố quan trắc	Thuộc lưu vực sông	Đơn vị quản lý
1	Cầu Đỏ	Phường Hòa Thọ Tây, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng	Mặn	Vũ Gia	Công ty Cổ phần Cấp nước Đà Nẵng

Bảng 6. Các trạm khí tượng chuyên dùng

STT	Tên Trạm	Địa danh	Yếu tố quan trắc	Đơn vị quản lý
1	Cáp treo Bà Nà (Trụ số: 5, 9, 13, 20)	Xã Hoà Ninh, huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng	Hướng và tốc độ gió	Công ty Cổ phần Dịch vụ Cáp treo Bà Nà
2	Sân bay quốc tế Đà Nẵng	Phường Hoà Thuận Tây, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	Theo quy định của Bộ Giao thông - Vận tải	Tổng Công ty cảng Hàng không Miền Trung